

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG VỀ NGHIỆP VỤ BÁO CHÍ ĐỢT 6 NĂM 2026

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng về Nghiệp vụ báo chí đợt 6 năm 2026 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 3271-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ báo chí.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 12/7/2026 đến ngày 06/9/2026.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Đỗ Thị Quỳnh Anh	28.8.1995	Ninh Bình	Nữ	Kinh	037195000396	HBT/BD 007001	NVBC06/2026.01	
2	Nguyễn Tuấn Anh	31.8.1966	Hải Phòng	Nam	Kinh	030066000004	HBT/BD 007002	NVBC06/2026.02	
3	Nguyễn Thị Phúc Anh	16.11.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	001303023328	HBT/BD 007003	NVBC06/2026.03	
4	Nguyễn Thị Phương Anh	07.6.1987	Hải Phòng	Nữ	Kinh	030187000730	HBT/BD 007004	NVBC06/2026.04	
5	Lê Thị Phương Anh	02.10.2004	Hải Phòng	Nữ	Kinh	031304001108	HBT/BD 007005	NVBC06/2026.05	
6	Phạm Kim Anh	09.4.2005	Ninh Bình	Nữ	Kinh	037305000007	HBT/BD 007006	NVBC06/2026.06	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
7	Nguyễn Văn Chót	01.01.1977	Vĩnh Long	Nam	Kinh	084077000238	HBT/BD 007007	NVBC06/2026.07	
8	Trịnh Văn Công	14.10.1990	Gia Lai	Nam	Kinh	064090005519	HBT/BD 007008	NVBC06/2026.08	
9	Nguyễn Thái Đại	01.10.1980	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	042080000463	HBT/BD 007009	NVBC06/2026.09	
10	Phan Thành Đạt	12.5.1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	075099009618	HBT/BD 007010	NVBC06/2026.10	
11	Ngô Bá Đức	14.9.1988	Phú Thọ	Nam	Kinh	026088002752	HBT/BD 007011	NVBC06/2026.11	
12	Vũ Khương Duy	30.11.1995	Hung Yên	Nam	Kinh	033095002800	HBT/BD 007012	NVBC06/2026.12	
13	Lê Dương Duyên	01.5.1991	Đà Nẵng	Nam	Kinh	049091020208	HBT/BD 007013	NVBC06/2026.13	
14	Phạm Thị Trà Giang	06.9.1995	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	083195009733	HBT/BD 007014	NVBC06/2026.14	
15	Phạm Thị Hà	15.7.1983	Hải Phòng	Nữ	Kinh	030183008400	HBT/BD 007015	NVBC06/2026.15	
16	Lê Thị Hằng	28.3.1992	Nghệ An	Nữ	Kinh	040192000034	HBT/BD 007016	NVBC06/2026.16	
17	Bùi Thị Hằng	08.7.1987	Hà Nội	Nữ	Kinh	001187036166	HBT/BD 007017	NVBC06/2026.17	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
18	Lê Thị Ngọc Hiền	02.02.1988	Hưng Yên	Nữ	Kinh	034188010432	HBT/BD 007018	NVBC06/2026.18	
19	Trần Thành Hiếu	27.11.1986	Đắk Lắk	Nam	Kinh	054086000666	HBT/BD 007019	NVBC06/2026.19	
20	Lê Ngọc Hòa	01.3.1999	Thanh Hóa	Nam	Kinh	038099004093	HBT/BD 007020	NVBC06/2026.20	
21	Nguyễn Thị Thu Hoài	28.7.1984	Ninh Bình	Nữ	Kinh	036184000053	HBT/BD 007021	NVBC06/2026.21	
22	Lò Văn Hoàn	08.8.2005	Thanh Hóa	Nam	Thái	038205020598	HBT/BD 007022	NVBC06/2026.22	
23	Bùi Thị Huế	12.5.1989	Hưng Yên	Nữ	Kinh	033189003089	HBT/BD 007023	NVBC06/2026.23	
24	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	12.12.2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	001301010823	HBT/BD 007024	NVBC06/2026.24	
25	Lò Ngọc Khiêm	21.10.1999	Sơn La	Nam	Thái	014099006684	HBT/BD 007025	NVBC06/2026.25	
26	Nguyễn Cao Kỳ	26.11.1991	Hà Nội	Nam	Kinh	001091004091	HBT/BD 007026	NVBC06/2026.26	
27	Ngô Thị Thùy Linh	01.9.1993	Hưng Yên	Nữ	Kinh	033193010554	HBT/BD 007027	NVBC06/2026.27	
28	Nguyễn Thị Phương Linh	22.3.2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	040305012612	HBT/BD 007028	NVBC06/2026.28	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
29	Nguyễn Trần Thùy Linh	21.5.2005	Ninh Bình	Nữ	Kinh	036305008469	HBT/BD 007029	NVBC06/2026.29	
30	Võ Nguyễn Khánh Linh	20.12.2005	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	038305019872	HBT/BD 007030	NVBC06/2026.30	
31	Nguyễn Thảo Linh	19.6.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	001304002604	HBT/BD 007031	NVBC06/2026.31	
32	Nguyễn Minh Luận	10.5.1976	Vĩnh Long	Nam	Kinh	084076000235	HBT/BD 007032	NVBC06/2026.32	
33	Vũ Thanh Mai	01.7.1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	024190005740	HBT/BD 007033	NVBC06/2026.33	
34	Lê Thái Nhật Minh	24.9.2001	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	042201013700	HBT/BD 007034	NVBC06/2026.34	
35	Trần Thị Hồng Minh	22.02.1978	Ninh Bình	Nữ	Kinh	036178007405	HBT/BD 007035	NVBC06/2026.35	
36	Nguyễn Ngọc Minh	04.8.2004	Hải Phòng	Nữ	Kinh	031304000458	HBT/BD 007036	NVBC06/2026.36	
37	Trần Kiên Minh	29.6.1983	Thành phố Huế	Nam	Kinh	046083009654	HBT/BD 007037	NVBC06/2026.37	
38	Đoàn Văn Nam	24.4.1989	Bắc Ninh	Nam	Kinh	024089016536	HBT/BD 007038	NVBC06/2026.38	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
39	Lường Thị Nga	21.9.1982	Phú Thọ	Nữ	Thái	017182000348	HBT/BD 007039	NVBC06/2026.39	
40	Hoàng Thị Kim Ngân	09.5.1980	Ninh Bình	Nữ	Kinh	035180000124	HBT/BD 007040	NVBC06/2026.40	
41	Dương Quỳnh Nhi	25.8.2005	Hà Nội	Nữ	Kinh	001305004872	HBT/BD 007041	NVBC06/2026.41	
42	Phạm Hồng Nhung	29.10.1991	Hưng Yên	Nữ	Kinh	034191008605	HBT/BD 007042	NVBC06/2026.42	
43	Bùi Tấn Phúc	03.01.1981	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	079081015740	HBT/BD 007043	NVBC06/2026.43	
44	Nguyễn Duy Quang	28.10.2006	Phú Thọ	Nam	Kinh	025206001339	HBT/BD 007044	NVBC06/2026.44	
45	Ký Chane Đô Ra	10.6.1973	Vĩnh Long	Nam	Khmer	084073000189	HBT/BD 007045	NVBC06/2026.45	
46	Đặng Bá Thanh	13.5.1989	Thanh Hóa	Nam	Kinh	038089034081	HBT/BD 007046	NVBC06/2026.46	
47	Nguyễn Tuấn Thành	04.01.2005	Hà Nội	Nam	Kinh	001205006899	HBT/BD 007047	NVBC06/2026.47	
48	Vũ Thị Thanh Thảo	03.10.1984	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	075184016119	HBT/BD 007048	NVBC06/2026.48	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
49	Phùng Quang Thiện	07.9.1971	Hà Nội	Nam	Kinh	001071017811	HBT/BD 007049	NVBC06/2026.49	
50	Hà Anh Thư	21.12.2006	Hà Nội	Nữ	Kinh	001306034567	HBT/BD 007050	NVBC06/2026.50	
51	Lưu Thị Anh Thư	29.9.2005	Bắc Kạn	Nữ	Tày	006305004031	HBT/BD 007051	NVBC06/2026.51	
52	Đinh Phương Thùy	26.01.2003	Ninh Bình	Nữ	Kinh	036303000065	HBT/BD 007052	NVBC06/2026.52	
53	Nguyễn Trần Mai Thùy	19.4.2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	040305012908	HBT/BD 007053	NVBC06/2026.53	
54	Trần Hương Trà	02.12.1989	Hà Nội	Nữ	Kinh	001189014385	HBT/BD 007054	NVBC06/2026.54	
55	Phạm Quỳnh Trang	23.11.2004	Hải Phòng	Nữ	Kinh	031304008476	HBT/BD 007055	NVBC06/2026.55	
56	Ninh Bảo Trúc	28.12.2004	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	022304002030	HBT/BD 007056	NVBC06/2026.56	
57	Nguyễn Minh Tuấn	29.8.1996	Hà Nội	Nam	Kinh	001096027259	HBT/BD 007057	NVBC06/2026.57	
58	Võ Thanh Tùng	16.6.1982	Nghệ An	Nam	Kinh	040082011176	HBT/BD 007058	NVBC06/2026.58	
59	Hoàng Đỗ Thanh Uyên	18.11.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	001304021982	HBT/BD 007059	NVBC06/2026.59	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
60	Nguyễn Ngọc Tố Uyên	27.6.2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	052303012238	HBT/BD 007060	NVBC06/2026.60	
61	Nguyễn Hồng Vân	24.10.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	001303012095	HBT/BD 007061	NVBC06/2026.61	
62	Nguyễn Hạ Vy	07.01.2004	Hải Phòng	Nữ	Kinh	030304001318	HBT/BD 007062	NVBC06/2026.62	
63	Nguyễn Thị Yến	08.9.2001	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	027301007346	HBT/BD 007063	NVBC06/2026.63	

Tổng số: 63 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2026

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang